

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

Số: 303/2021/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51;55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 570/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: - **Anh Bùi Đức T** - sinh năm: 1981

- **Chị Nguyễn Thị Trần N** - sinh năm: 1987

HKTT và chỗ ở hiện nay: số X, phố K, phường T, quận T, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị Trần N cùng xác nhận: Anh, chị kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố B, tỉnh Ninh Bình, ngày 12/3/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại: số X, phố K, phường T, quận T, Hà Nội (là nhà riêng của vợ chồng). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tuy nhiên trong quá trình mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không đi đến kết quả. Anh, chị xác định không thể khắc phục được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, nên thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị Trần N cùng xác nhận có 01 con chung là Bùi Đức T sinh ngày 15/9/2008. Ly hôn, anh, chị thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị Nguyễn Thị Trần N (là mẹ đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh chị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: không yêu cầu tòa xem xét giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh Bùi Đức T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân

* Về tình cảm: anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị Trần N cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về con chung: anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị Trần N xác nhận có 01 con chung là Bùi Đức T sinh ngày 15/9/2008. Ly hôn, anh, chị thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị Nguyễn Thị Trần N (là mẹ đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh chị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ: anh, chị xác nhận không yêu cầu tòa xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Bùi Đức T tự nguyện chịu cả 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/011979 ngày 16/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T – thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;
(Số 21 quyển số 01/2008 ngày 12/3/2008)
- THA quận T
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Phan Thanh Hà